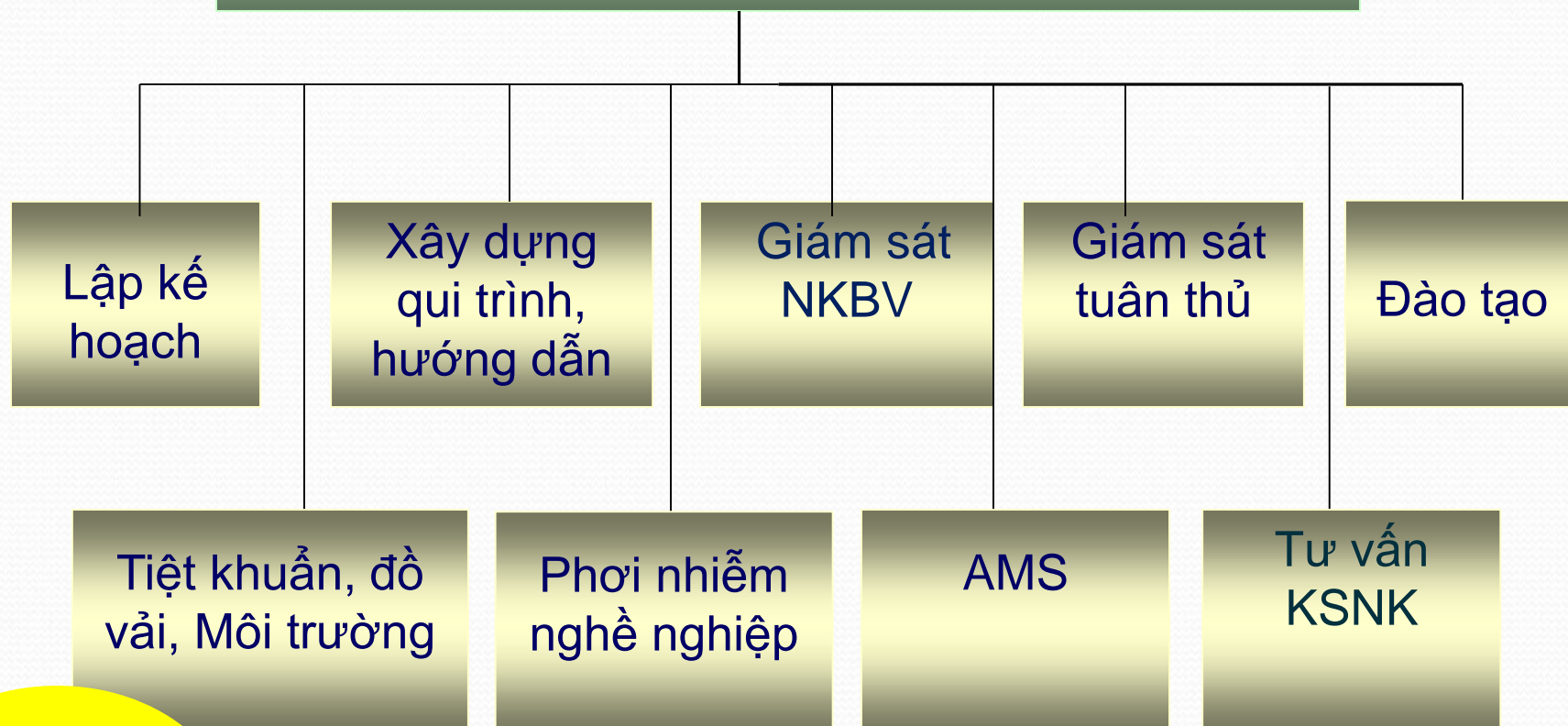




**KẾT QUẢ BAN ĐẦU THỰC HIỆN
GIÁM SÁT NHIỄM KHUẨN HUYẾT VÀ NHIỄM KHUẨN NIỆU
THEO CHƯƠNG TRÌNH MÔ HÌNH MẪU CỦA BỘ Y TẾ**

ThS. BS. Đặng Thị Vân Trang
Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
Bệnh viện Chợ Rẫy

Hoạt động khoa kiểm soát nhiễm khuẩn



CSSD

28 nhân viên

Nhóm giám sát/KSNK: 8

Nhóm giám sát/các khoa: 20

Chương trình giám sát NKBV

Trước 10/ 2015	Giám sát cắt ngang 1 – 2 lần/năm
Từ 10/2015	Giám sát dọc ở tất cả các khoa
Từ 1/2017	Giám sát dọc theo hướng dẫn của CDC - nhiễm khuẩn huyết và nhiễm khuẩn niệu
Từ 2/2017	Cập nhật giám sát (WHO hỗ trợ)

Giám sát NKBV theo hướng dẫn của CDC

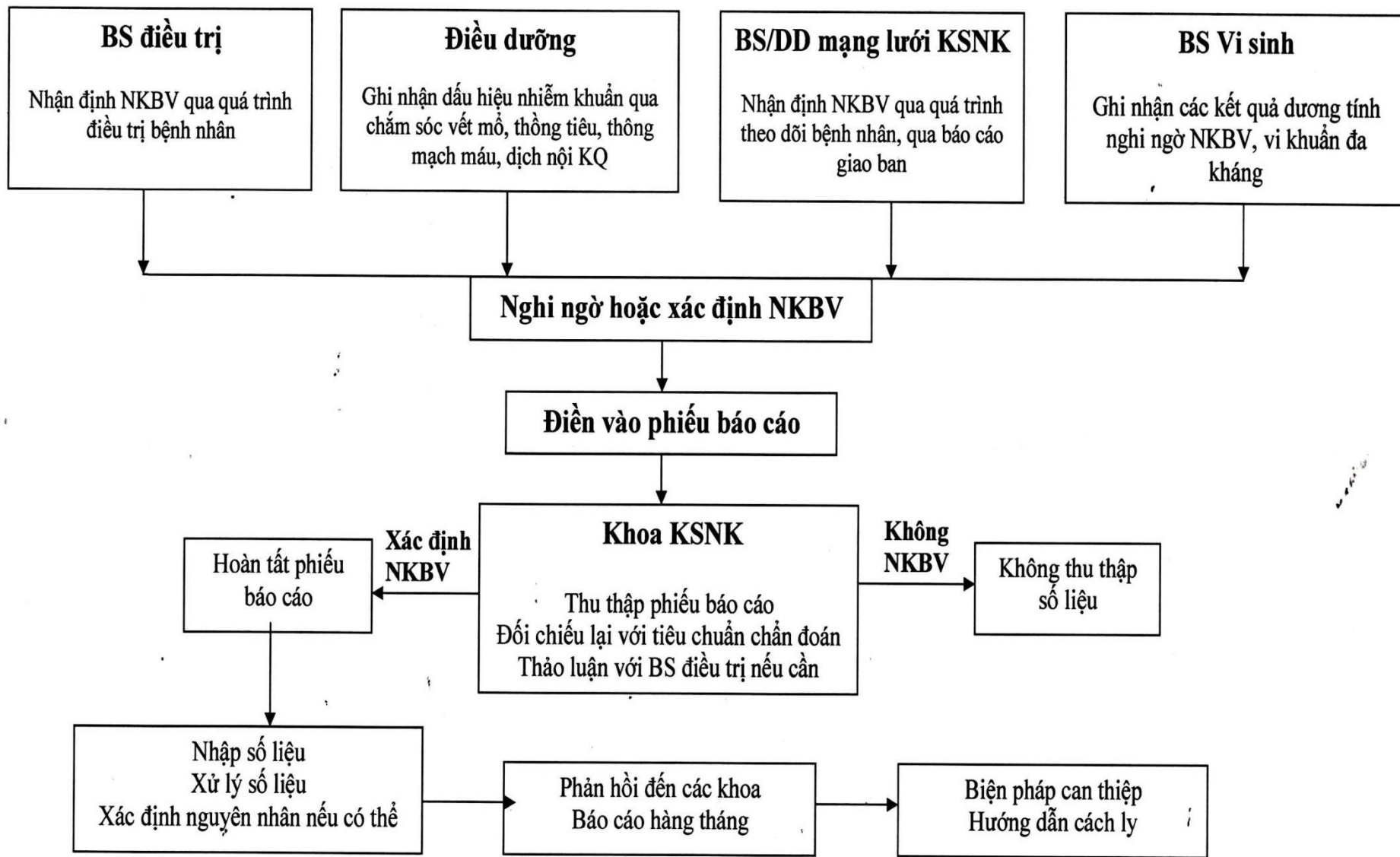
- 2 loại NKBV: nhiễm khuẩn huyết và nhiễm khuẩn tiết niệu
- Giám sát chủ động, liên tục
- Sử dụng thống nhất tiêu chuẩn chẩn đoán của CDC
- Nơi giám sát: ICU và NICU

Tổ chức thực hiện

Tổ chức giám sát NKH và NKN theo CDC: Từ 1/1/2017.

1. Khoa vi sinh: hằng ngày gửi kết quả vi sinh dương tính.
2. Khoa sinh hóa: hằng ngày gửi kết quả sinh hóa nước tiểu như Nitrite (+), bạch cầu (+)...
3. BS, ĐD khoa lâm sàng ghi nhận các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định NKBV.
4. Nhóm giám sát: hằng ngày đến các khoa lâm sàng để xác định ca bệnh và điền các biểu mẫu theo quy định.
5. ĐD trưởng 2 ICU: ghi số liệu thủ thuật, phẫu thuật (sonde tiểu và Catheter của khoa HSTC vào 8 giờ hàng ngày, hàng tháng nộp.

Sơ đồ quy trình giám sát Nhiễm Khuẩn Bệnh Viện (NKBV)



Xác định ca bệnh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC TRƯỜNG HỢP NHIỄM KHUẨN HUYẾT

Số hồ sơ:	- Nhiễm khuẩn huyết		
Bệnh viện:			
Giới tính:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	Ngày sinh:	/ / Cân nặng lúc sinh: gram
Ngày nhập viện:	/ /	Ngày nhập/chuyển vào khoa hiện tại:	/ /
Nơi ở trước khi nhập viện	<input type="checkbox"/> Nhà <input type="checkbox"/> Bệnh viện khác <input type="checkbox"/> Không rõ		
Liệt kê tất cả các số hồ sơ khác của người bệnh kể từ khi nhập viện:			
1. Dữ liệu Nhiễm khuẩn huyết			
Ngày biến cố (ngày/tháng/năm)	/ /		
Loại nhiễm khuẩn huyết được xác định của mẫu dương tính	<input type="checkbox"/> Định danh tác nhân <input type="checkbox"/> Chủng vi khuẩn hay gặp (≥ 2 mẫu cấy)		
Điền kết quả cấy gồm: tên vi sinh vật và kháng sinh đồ vào mục 5			
Khoa điều trị			
Liệt kê tất cả các khoa theo thứ tự thời gian mà người bệnh đã được điều trị vào ngày xảy ra biến cố			
Liệt kê tất cả các khoa theo thứ tự thời gian mà người bệnh đã được điều trị vào trước ngày xảy ra biến cố			
2. Thủ thuật xâm lấn: Catheter trung tâm			
Người bệnh có đặt catheter tĩnh mạch trung tâm tại thời điểm nào sau đây	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không (chuyển tới mục 3.) <input type="checkbox"/> Không rõ		
<ul style="list-style-type: none"> Ngày xảy ra biến cố Trước 1 ngày xảy ra biến cố 			
Nếu Có, Catheter tĩnh mạch trung tâm có được đặt > 2 ngày	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không (chuyển tới câu 3.) <input type="checkbox"/> Không rõ		
Nếu Có thì là loại thủ thuật gì (Chọn các loại thủ thuật bên đây)	<input type="checkbox"/> Catheter ngăn ngừa không tạo đường hầm (ví dụ 1 nòng hoặc 2 nòng) <input type="checkbox"/> Catheter trung tâm từ ngoại biên <input type="checkbox"/> Catheter 1 cửa <input type="checkbox"/> Catheter trong chày thần nhân tạo <input type="checkbox"/> Catheter tĩnh mạch rốn <input type="checkbox"/> Catheter thông hầm <input type="checkbox"/> Không rõ <input type="checkbox"/> Loại khác:		
Vi trí đặt	<input type="checkbox"/> Tĩnh mạch cánh		

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

BIỂU MẪU BÁO CÁO TRƯỜNG HỢP NHIỄM KHUẨN TIẾT NIỆU

Mã bệnh án :	_____ - (Nhiễm khuẩn tiết niệu)		
Bệnh viện:			
Giới:	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	Ngày sinh:	___ / ___ / ___ cân nặng lúc sinh: ___ grams
Ngày nhập viện:	___ / ___ / ___	Ngày nhập/ chuyển vào khoa hiện tại:	___ / ___ / ___
Nơi ở trước khi nhập viện:	<input type="checkbox"/> Nhà <input type="checkbox"/> Bệnh viện khác <input type="checkbox"/> không biết		
Liệt kê tất cả các hồ sơ khác của người bệnh kể từ khi nhập viện			
1. Dữ liệu Nhiễm khuẩn tiết niệu			
Ngày biến cố (Ngày/tháng/năm):	___ / ___ / ___		
Loại NKTN được xác định	<input type="checkbox"/> có kết quả vi sinh (UTI-A) <input type="checkbox"/> không có kết quả vi sinh (UTI-B)		
Điền kết quả cấy gồm tên vi sinh vật và kháng sinh đồ vào phụ lục 2			
Khoa điều trị			
Liệt kê tất cả các khoa theo thứ tự thời gian mà người bệnh đã được điều trị vào ngày xảy ra biến cố			
Liệt kê tất cả các khoa theo thứ tự thời gian mà người bệnh đã được điều trị vào trước ngày xảy ra biến cố			
2. Thủ thuật xâm lấn: Thông tiểu			
Người bệnh có đặt ống thông Foley tại thời điểm nào sau đây	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		

Thu thập dữ liệu mẫu số

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỢ RẨY

Bảng theo dõi bệnh nhân phẫu thuật và thủ thuật

Khoa:.....		Tháng:.....		Năm:.....	
<u>Ngày trong tháng</u>	<u>Số lượng bn nằm viện</u>	<u>Số lượng bn có TM trung tâm</u>	<u>Số lượng bn có thông tiểu</u>	<u>Số lượng bn có thở máy</u>	<u>Số cas phẫu thuật trong ngày</u>
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					

Khoa	Số giường bệnh	Công suất giường	Số lượt bệnh nhân trung bình/tháng	Số ngày nằm viện trung bình	Tỉ lệ tử vong
ICU	35 ICU cũ = 24 ICU D = 11	100,2%	127,3	8,3	32,2%
NICU	42	100,2%	250,6	4,7	38,0%



Kết quả giám sát nhiễm khuẩn huyết

Từ 1/2017 đến 11/2017

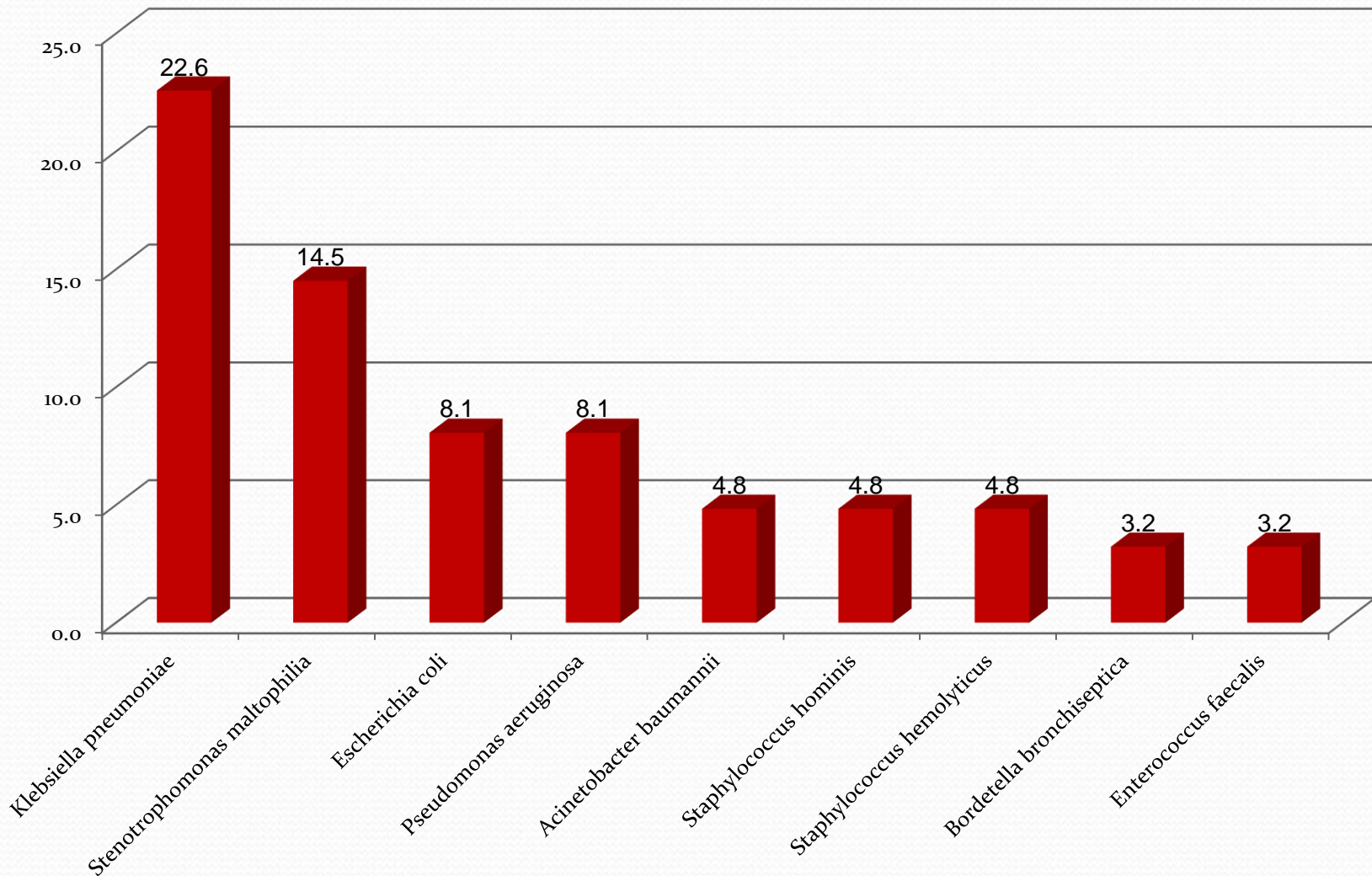
	Số ca	Mẫu số	Tỉ lệ
BSI	69	22542 bệnh nhân - ngày	3,1/1000 bệnh nhân - ngày
CLABSI	62	9624 catheter- ngày	6,4/1000 catheter - ngày

Kết quả giám sát nhiễm khuẩn huyết

Từ 1/2017 đến 11/2017

		Số ca	Mẫu số	Tỉ lệ
ICU	BSI	39	10744 bệnh nhân - ngày	4,3/1000 bệnh nhân - ngày
	CLABSI	38	8744 catheter- ngày	3,6/1000 catheter - ngày
NICU	BSI	30	11798 bệnh nhân - ngày	2,5/1000 bệnh nhân - ngày
	CLABSI	24	880 catheter- ngày	2,7/1000 catheter - ngày

Tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết



Kết quả giám sát nhiễm khuẩn niệu

Từ 1/2017 đến 11/2017

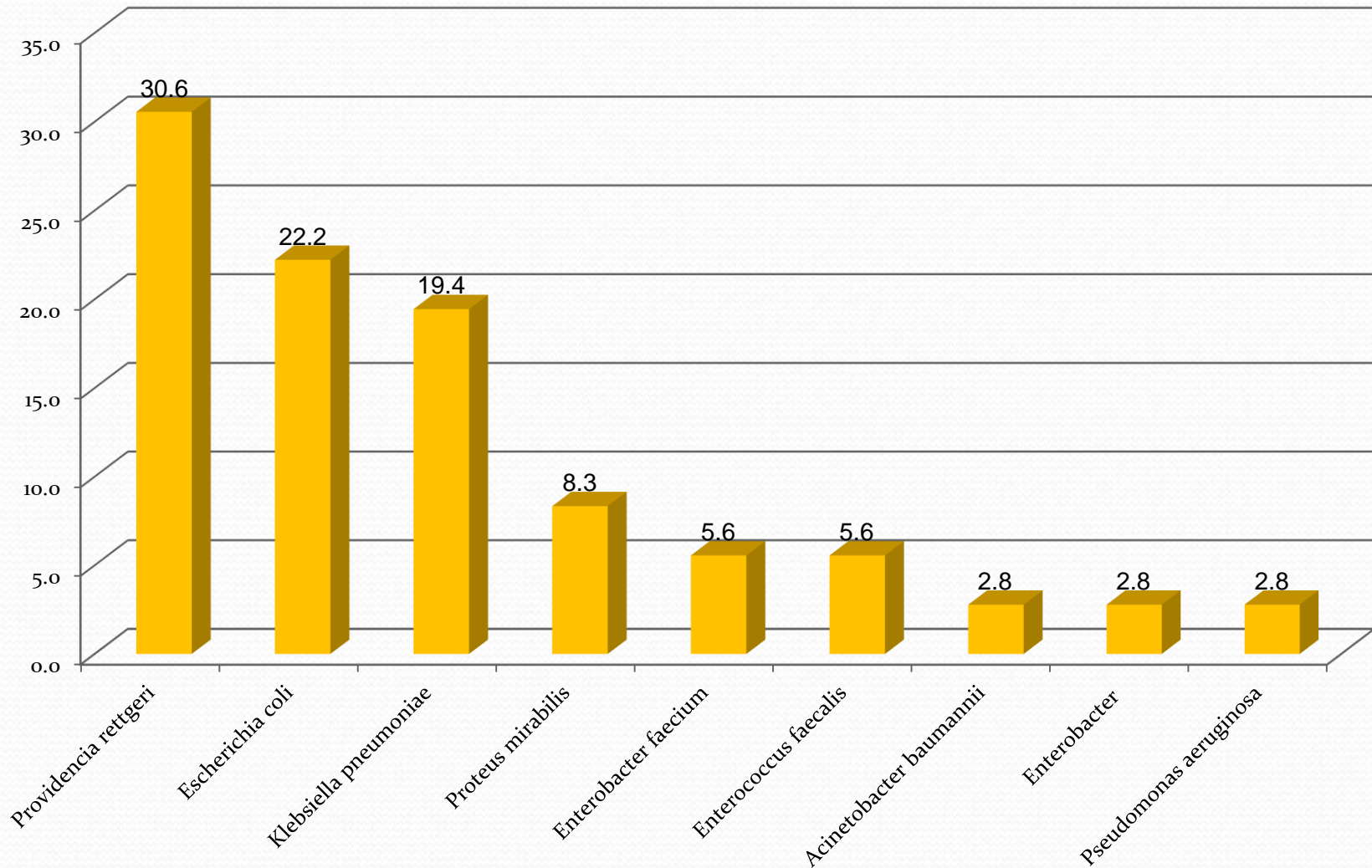
	Số ca	Mẫu số	Tỉ lệ
UTI	88	22542 bệnh nhân - ngày	3,9/1000 bệnh nhân - ngày
CAUTI	87	19715 sonde tiểu- ngày	4,4/1000 sonde tiểu - ngày

Kết quả giám sát nhiễm khuẩn niệu

Từ 1/2017 đến 11/2017

		Số ca	Mẫu số	Tỉ lệ
ICU	UTI	28	10744 bệnh nhân – ngày	2,6/1000 bệnh nhân - ngày
	CAUTI	28	8598 sonde tiểu- ngày	3,3/1000 sonde tiểu - ngày
NICU	UTI	60	11798 bệnh nhân - ngày	5,1/1000 bệnh nhân - ngày
	CAUTI	59	11117 sonde tiểu - ngày	5,3/1000 sonde tiểu - ngày

Tác nhân gây nhiễm khuẩn niệu



Kết luận

- Giám sát NKH và NKN chủ động, liên tục
- Hệ thống giám sát NKBV: hỗ trợ từ ban GD và các khoa phòng
- Dữ liệu thu thập một cách hệ thống
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào giám sát NKBV
- Mở rộng giám sát



Xin trân trọng cảm ơn !